

Bản án số: 36 /2020/HNGĐ-ST  
Ngày 12- 8- 2020  
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đinh Thị Thanh Hải – Ông Phan Tiến Thạch

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Thu Hương – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 12 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 34/TB-TA ngày 28/7/2020 giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 15, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

*Bị đơn:* Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1972. Vắng mặt.

HKTT: Tổ 15, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ liên hệ: Bà Lê Thị T – Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thu T trình bày:*

Chị Nguyễn Thu T và anh Đoàn Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 31/12/2004 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, hiện chị T và anh Thành đã sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị T và anh Thành có 03 con chung là các cháu Đoàn Diệu H, sinh ngày 10/11/2005; Đoàn Diệu A, sinh ngày 08/9/2008; Đoàn Phong H, sinh ngày 13/01/2013, khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 3 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Đoàn Văn T vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Đoàn Văn T có hộ khẩu thường trú tại tổ 15, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con chung” nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thu T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đoàn Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn anh Đoàn Văn T nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thu T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “ Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[3]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thu T kết hôn với anh Đoàn Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh Thành đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Hiện chị T và anh T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình xét xử cho chị T được ly hôn với anh T.

[3]. Về con chung: Chị T và anh T có 03 con chung là: Đoàn Diệu H, sinh ngày 10/11/2005; Đoàn Diệu A, sinh ngày 08/9/2008 và Đoàn Phong H, sinh ngày 13/01/2013, khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy Nguyễn vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị T là chính đáng, song việc giao con cho ai nuôi phải xem xét về nguyện vọng và quyền lợi của con chưa thành niên. Tại các đơn đề nghị ngày 28/5/2020 của các cháu Đoàn Diệu H, Đoàn Diệu A và cháu Đoàn Phong H đều thể hiện nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thu T. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do vậy, nên giao các cháu Đoàn Diệu H, Đoàn Diệu A và cháu Đoàn Phong H cho chị Thủy trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T được hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về chia tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị T, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “Án phí và lệ phí Tòa án”.

**1. Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thu T được ly hôn anh Đoàn Văn T.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Đoàn Diệu H, sinh ngày 10/11/2005, Đoàn Diệu A, sinh ngày 08/9/2008 và Đoàn Phong H, sinh ngày 13/01/2013 cho đến khi các cháu H, A, H đủ 18 tuổi. Anh Đoàn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**2. Về án phí:** Chị Nguyễn Thu T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006402 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (Chị T đã nộp đủ tiền án phí).

**3. Về quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thu T và anh Đoàn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND P Đồng Tâm, TP Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Tuyến**



